

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2119/QĐ-CTHADS

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Cục THADS tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị trực thuộc

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017.

Căn cứ Thông báo số 340/TB-TCTHADS ngày 29/7/2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự về Thông báo xét duyệt (thẩm định) quyết toán ngân sách năm 2023 đối với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng, Phòng Tài chính-Kế toán Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị trực thuộc.  
(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng; Trưởng phòng Phòng Tài chính -Kế toán và các đơn vị liên quan trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục THADS (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- VP Cục (để đăng tải trang TT);
- Lưu VT.Phòng TCKT;

Q.CỤC TRƯỞNG



**Đương Diêu**

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017

Đơn vị: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH KHÁNH HÒA  
Chương: 014



**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC \_ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 2119/QĐ-CTHADS ngày 08/8/2024 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Khánh Hòa về việc công bố công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị trực thuộc Cục)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc								
						Văn phòng Cục	Nha Trang	Khánh Sơn	Diên Khánh	Cam Ranh	Ninh Hòa	Vạn Ninh	Cam Lâm	Khánh Vĩnh
1	2	3	4	5=4-3	6=SUM(6.1:6.9)	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>4.777,6</b>	<b>4.777,6</b>	<b>0,0</b>	<b>4.777,6</b>	<b>2.460,2</b>	<b>978,6</b>	<b>0,5</b>	<b>342,1</b>	<b>245,5</b>	<b>181,8</b>	<b>346,7</b>	<b>219,3</b>	<b>2,9</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>													
1	Lệ phí													
	Lệ phí...													
	Lệ phí...													
<b>2</b>	<b>Phí ( Phí thi hành án )</b>	<b>4.777,56</b>	<b>4.777,56</b>	<b>0,00</b>	<b>4.777,56</b>	<b>2.460,21</b>	<b>978,63</b>	<b>0,450</b>	<b>342,15</b>	<b>245,51</b>	<b>181,76</b>	<b>346,65</b>	<b>219,26</b>	<b>2,94</b>
	<i>Phí thi hành án được để lại nộp Tổng cục THADS 20%</i>	955,42	955,42	0,00	955,42	492,04	195,73	0,00	68,43	49,10	36,35	69,33	43,85	0,59
	<i>Phí thi hành án được để lại nộp đơn vị dự toán 55%</i>	2.634,90	2.634,90	0,00	2.634,90	1.353,12	538,25	0,248	188,18	135,03	99,97	190,66	127,83	1,62
	<i>Số phí THADS nộp NSNN 25%</i>	1.187,24	1.187,24	0,00	1.187,24	615,05	244,66	0,202	85,54	61,38	45,44	86,66	47,58	0,74
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>	<b>3.442,44</b>	<b>3.442,44</b>	<b>0,00</b>	<b>3.442,44</b>	<b>1.637,42</b>	<b>796,85</b>	<b>0,00</b>	<b>248,87</b>	<b>154,62</b>	<b>203,11</b>	<b>217,78</b>	<b>174,67</b>	<b>9,12</b>
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>													
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên													
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>3.442,44</b>	<b>3.442,44</b>	<b>0,00</b>	<b>3.442,44</b>	<b>1.637,42</b>	<b>796,85</b>	<b>0,00</b>	<b>248,87</b>	<b>154,62</b>	<b>203,11</b>	<b>217,78</b>	<b>174,67</b>	<b>9,12</b>





Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc								
						Văn phòng Cục	Nha Trang	Khánh Sơn	Diên Khánh	Cam Ranh	Ninh Hòa	Vạn Ninh	Cam Lâm	Khánh Vĩnh
1	2	3	4	5=4-3	6=SUM(6.1:6.9)	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự cử	3.442,44	3.442,44	0,0	3.442,44	1.637,42	796,85	0,00	248,87	154,62	203,11	217,78	174,67	9,12
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự cử	0,0	0,0	0,0	0,0	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>1.187,24</b>	<b>1.187,24</b>	<b>0,00</b>	<b>1.187,24</b>	<b>615,05</b>	<b>244,66</b>	<b>0,20</b>	<b>85,54</b>	<b>61,38</b>	<b>45,44</b>	<b>86,66</b>	<b>47,58</b>	<b>0,74</b>
<b>I</b>	<b>Lệ phí</b>													
	Lệ phí...													
2	Phí	1.187,24	1.187,24		1.187,24	615,05	244,66	0,20	85,54	61,38	45,44	86,66	47,58	0,74
	Phí ( Phí thi hành án 25% )	1.187,24	1.187,24		1.187,24	615,05	244,66	0,202	85,54	61,38	45,44	86,66	47,58	0,74
	Phí ...													
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>29.233,38</b>	<b>29.233,38</b>	<b>0,0</b>	<b>29.233,38</b>	<b>9.369,58</b>	<b>4.631,21</b>	<b>2.560,55</b>	<b>2.359,62</b>	<b>2.132,98</b>	<b>2.406,56</b>	<b>2.454,88</b>	<b>1.813,80</b>	<b>1.504,20</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>29.233,38</b>	<b>29.233,38</b>	<b>0,0</b>	<b>29.233,38</b>	<b>9.369,58</b>	<b>4.631,21</b>	<b>2.560,55</b>	<b>2.359,62</b>	<b>2.132,98</b>	<b>2.406,56</b>	<b>2.454,88</b>	<b>1.813,80</b>	<b>1.504,20</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính ( Loại 340 -K 341)</b>	<b>29.136,88</b>	<b>29.136,88</b>	<b>0,0</b>	<b>29.136,88</b>	<b>9.273,08</b>	<b>4.631,21</b>	<b>2.560,55</b>	<b>2.359,62</b>	<b>2.132,98</b>	<b>2.406,56</b>	<b>2.454,88</b>	<b>1.813,80</b>	<b>1.504,20</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự cử	21.691,44	21.691,44	0,0	21.691,44	6.101,5	3.677,7	1.872,50	1.886,55	1.710,40	2.054,08	1.559,82	1.473,60	1.355,35
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự cử	3.271,22	3.271,22	0,0	3.271,22	1.534,2	156,7	498,68	135,26	200,48	17,17	610,46	110,97	7,34
1.3	Phí THADS được điều hòa	731,78	731,78	0,0	731,78	0,0	0,0	189,37	88,94	67,49	132,21	66,82	54,56	132,39
1.4	Phí để lại theo chế độ	3.442,44	3.442,44	0,0	3.442,44	1.637,42	796,85	0,00	248,87	154,62	203,11	217,78	174,67	9,12
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>													
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ													
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia													
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ													
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở													
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng													
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ( Loại 070 Khoản 085)</b>	<b>96,50</b>	<b>96,50</b>	<b>0</b>	<b>96,50</b>	<b>96,50</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc								
						Văn phòng Cục	Nha Trang	Khánh Sơn	Diên Khánh	Cam Ranh	Ninh Hòa	Vạn Ninh	Cam Lâm	Khánh Vĩnh
1	2	3	4	5=4-3	6=SUM(6.1:6.9)	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	96,5	96,50	0,00	96,50	96,50	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>													
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>													
1.1	Dự án A													
1.2	Dự án B													

